

Hiệp ước của WIPO về Quyền tác giả (WCT)

Hiệp ước của WIPO về Quyền tác giả (WCT) (1996)

với

Các tuyên bố đã được thông qua của Hội nghị ngoại giao thông qua Hiệp ước

và

**Các quy định của Công ước Berne (1971)
dẫn chiếu trong Hiệp ước**

Hiệp ước Quyền tác giả WIPO (WCT) (1996)

Tóm tắt nội dung

Phần mở đầu

- Điều 1: Liên quan đến Công ước Berne
- Điều 2: Phạm vi bảo hộ quyền tác giả
- Điều 3: Áp dụng Điều 2 đến Điều 6 của Công ước Berne
- Điều 4: Chương trình máy tính
- Điều 5: Sưu tập dữ liệu (Cơ sở dữ liệu)
- Điều 6: Quyền phân phối
- Điều 7: Quyền cho thuê
- Điều 8: Quyền truyền đạt tới công chúng
- Điều 9: Thời hạn bảo hộ tác phẩm nhiếp ảnh
- Điều 10: Hạn chế và ngoại lệ
- Điều 11: Các nghĩa vụ về biện pháp công nghệ
- Điều 12: Các nghĩa vụ về đến thông tin quản lý quyền
- Điều 13: áp dụng vào thời điểm bắt đầu có hiệu lực
- Điều 14: Các quy định về thực thi quyền

- Điều 15: Hội đồng
- Điều 16: Văn phòng quốc tế (Trụ sở quốc tế)
- Điều 17: Điều kiện để trở thành Bên tham gia Hiệp ước
- Điều 18: Các quyền và nghĩa vụ theo Hiệp ước
- Điều 19: Việc ký Hiệp ước
- Điều 20: Bắt đầu có hiệu lực của Hiệp ước
- Điều 21: Ngày trở thành Bên tham gia Hiệp ước
- Điều 22: Không có bảo lưu đối với Hiệp ước
- Điều 23: Rút khỏi Hiệp ước
- Điều 24: Ngôn ngữ của Hiệp ước
- Điều 25: Lưu giữ

Phần mở đầu

Các Bên Ký kết,

Mong muốn duy trì và phát triển sự bảo hộ các quyền tác giả đối với tác phẩm văn học và nghệ thuật một cách có hiệu quả và đồng bộ nhất,

Thừa nhận sự cần thiết đưa ra những quy định quốc tế mới và xác định rõ nội dung của các quy định hiện có nhằm đặt ra các giải pháp thoả đáng cho

các vấn đề nảy sinh do sự phát triển mới về nền kinh tế, xã hội, văn hoá và công nghệ,

Thừa nhận ảnh hưởng sâu rộng của sự phát triển và thành tựu của công nghệ tin học và truyền thông đối với việc sáng tạo và sử dụng các tác phẩm văn

học và nghệ thuật,

Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền tác giả như là sự khích lệ công việc sáng tạo ra tác phẩm văn học và nghệ thuật,

Thừa nhận sự cần thiết duy trì cân bằng giữa quyền của tác giả và lợi ích của công chúng, đặc biệt trong giáo dục, nghiên cứu và tiếp cận thông tin, như

được nêu trong Công ước Berne,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1 Liên quan đến Công ước Berne

(1) Hiệp ước này là một thoả thuận đặc biệt theo nghĩa của Điều 20 của Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật đối với các Bên

ký kết là những Bên ký kết Liên hiệp do Công ước thành lập. Hiệp ước này không có bất kỳ sự dẫn chiếu nào tới các hiệp ước khác ngoài Công ước

Berne, cũng như không làm phương hại tới các quyền và nghĩa vụ được quy định tại bất kỳ hiệp ước nào khác.

(2) Không có quy định nào trong Hiệp ước làm tổn hại đến những nghĩa vụ hiện tại mà các Bên ký kết đã có với nhau theo Công ước Berne về bảo hộ

các tác phẩm văn học và nghệ thuật.

(3) Sau đây, “Công ước Berne” được hiểu là nói đến Nghị định thư Paris ngày 24/6/1971 của Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật

(4) Các Bên ký kết phải tuân thủ các Điều 1 tới Điều 21 và Bản Phụ lục của Công ước Berne. [\[1\]](#)

Điều 2 Phạm vi bảo hộ quyền tác giả

Sự bảo hộ quyền tác giả được dành cho tác phẩm đã được thể hiện chứ không dành cho bản thân ý tưởng, thủ tục, phương thức hoạt động hoặc các khái niệm toán học.

Điều 3 Áp dụng các điều từ Điều 2 đến Điều 6 của Công ước Berne

Các Bên ký kết phải áp dụng các điều khoản sửa đổi thích hợp các quy định của các điều từ Điều 2 đến Điều 6 của Công ước Berne được quy định

trong Hiệp ước này. [\[2\]](#)

Điều 4 Chương trình máy tính

Chương trình máy tính được bảo hộ như là tác phẩm văn học theo nghĩa của Điều 2 Công ước Berne. Sự bảo hộ này áp dụng cho các chương trình máy

tính, bất kể chúng được thể hiện dưới hình thức hoặc phương thức nào. [\[3\]](#)

Điều 5 Suu tập dữ liệu (Cơ sở dữ liệu)

Các dữ liệu hoặc tư liệu khác được suu tập dưới bất kỳ hình thức nào, mà tạo nên những sáng tạo trí tuệ, thì được bảo hộ. Sự bảo hộ này không dành

cho chính bản thân dữ liệu hoặc tư liệu đó và không làm phương hại đến bất kỳ quyền tác giả nào đang tồn tại đối với dữ liệu hoặc tư liệu trong suu tập

đó. [\[4\]](#)

Điều 6 Quyền phân phối

(1) Tác giả của tác phẩm văn học và nghệ thuật được hưởng quyền độc quyền cho phép cung cấp tới công chúng bản gốc và bản sao tác phẩm đó

thông qua việc bán hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu.

(2) Không một quy định nào trong Hiệp ước này ảnh hưởng đến quyền tự do của các Bên ký kết xác định các điều kiện có thể làm triệt tiêu, quyền được

quy định tại Khoản (1) áp dụng sau khi bán hoặc chuyển nhượng quyền sở hữu lần thứ nhất bản gốc hoặc bản sao của tác phẩm với sự cho phép của

tác giả. [\[5\]](#)

Điều 7 Quyền cho thuê

(1) Các tác giả của

(i) chương trình máy tính;

(ii) tác phẩm điện ảnh; và

(iii) tác phẩm được thể hiện trong bản ghi âm, như được xác định theo luật pháp quốc gia của Bên ký kết,

sẽ được hưởng quyền độc quyền cho công chúng thuê nhằm mục đích thương mại đối với bản gốc hoặc bản sao tác phẩm của họ.

(2) Khoản (1) không áp dụng

(i) đối với các chương trình máy tính, khi bản thân chương trình đó không phải đối tượng chính của việc cho thuê; và

(ii) đối với các tác phẩm điện ảnh, trừ khi việc cho thuê thương mại như vậy dẫn tới việc sao chép tràn lan các tác phẩm này, làm suy giảm thực tế

quyền độc quyền sao chép.

(3) Không trái với các quy định của Khoản (1), Bên ký kết, vào ngày 15/4/1994 đã và đang áp dụng một hệ thống trả tiền thù lao thoả đáng cho tác giả đối

với việc cho thuê bản sao bản ghi âm các tác phẩm của họ có thể duy trì hệ thống đó với điều kiện là việc cho thuê thương mại bản ghi âm có tác

phẩm như vậy không làm suy giảm thực tế quyền độc quyền sao chép của tác giả. [\[6\]](#) [\[7\]](#)

Điều 8 Quyền truyền đạt tới công chúng

Không trái với các quy định của Điều 11(1)(ii), 11bis(1)(i) và (ii), 11ter(1)(ii) 14(1)(ii) và 11bis(1), của Công ước Berne các tác giả của các tác phẩm văn

học và nghệ thuật được hưởng quyền độc quyền cho phép truyền đạt tới công chúng tác phẩm của họ, bằng vô tuyến hay hữu tuyến, kể cả việc đưa tác

phẩm của họ tới công chúng theo cách thức mà những thành viên trong xã hội có thể tiếp cận các tác phẩm đó tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa

chọn. [\[8\]](#)

Điều 9 Thời hạn bảo hộ tác phẩm nhiếp ảnh

Đối với tác phẩm nhiếp ảnh, Bên ký kết không phải áp dụng các quy định của Điều 7(4) của Công ước Berne.

Điều 10 Hạn chế và ngoại lệ

(1) Các Bên ký kết có thể quy định trong pháp luật nước mình những hạn chế và ngoại lệ đối với các quyền dành cho tác giả tác phẩm văn học và nghệ

thuật theo Hiệp ước này trong những trường hợp đặc biệt cụ thể, không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và không làm phương hại

một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả.

(2) Khi áp dụng Công ước Berne, các Bên ký kết phải xác định rõ các hạn chế hoặc ngoại lệ đối với các quyền được quy định trong những trường hợp

đặc biệt cụ thể mà không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và không làm phương hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của

tác giả. [\[9\]](#)

Điều 11 Các nghĩa vụ về biện pháp công nghệ

Các Bên ký kết phải quy định sự bảo hộ pháp lý tương xứng và các biện pháp thực thi pháp lý hiệu quả đối với việc vô hiệu hoá các biện pháp công nghệ

được tác giả sử dụng trong việc thực thi các quyền của mình theo Hiệp ước này hoặc Công ước Berne và ngăn chặn các hành vi mà không được tác giả

cho phép hoặc không được phép theo luật đối với tác phẩm.

Điều 12 Các nghĩa vụ về thông tin quản lý quyền

(1) Các Bên ký kết phải áp dụng các biện pháp thực thi pháp lý tương xứng và hiệu quả đối với bất kỳ người nào cố ý thực hiện một trong các hành vi

sau đây, hoặc theo các biện pháp thực thi dân sự dựa có cơ sở hợp lý biết rằng hành vi đó gây ra, tạo khả năng, điều kiện hoặc che giấu sự vi phạm bất

kỳ quyền nào được quy định trong Hiệp ước này hoặc Công ước Berne:

- (i) dỡ bỏ hoặc thay đổi bất kỳ thông tin quản lý quyền điện tử nào mà không được sự cho phép;
- (ii) phân phối, nhập khẩu để phân phối, phát sóng hoặc truyền đạt tới công chúng một cách trái phép, các tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm biết

rằng thông tin quản lý quyền điện tử đã bị dỡ bỏ hoặc đã bị thay đổi một cách trái phép.

(2) Như được sử dụng ở Điều này, " thông tin quản lý quyền " nghĩa là thông tin xác định tác phẩm, tác giả của tác phẩm, chủ sở hữu các quyền đối với

tác phẩm, hoặc thông tin về thời hạn và điều kiện sử dụng tác phẩm, và mọi con số hoặc mã ký hiệu thể hiện thông tin đó, khi các mục thông tin này

được gắn với bản sao tác phẩm hoặc xuất hiện cùng với việc truyền đạt tác phẩm tới công chúng.[\[10\]](#)

Điều 13 Áp dụng vào thời điểm bắt đầu có hiệu lực

Các Bên ký kết phải áp dụng các quy định của Điều 18 Công ước Berne đối với mọi tác phẩm được bảo hộ quy định trong Hiệp ước này.

Điều 14 Các quy định về thực thi quyền

(1) Các Bên ký kết phù hợp với hệ thống pháp luật của nước mình cam kết ban hành các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo áp dụng Hiệp ước này.

(2) Các Bên ký kết phải đảm bảo rằng các thủ tục thực thi đã có trong luật pháp nước mình cũng cho phép thực hiện hành động có hiệu quả chống lại

bất kỳ hành vi xâm phạm các quyền được quy định trong Hiệp ước này, bao gồm những biện pháp để ngăn chặn sự xâm phạm và các biện pháp đủ

mạnh để kịp thời ngăn ngừa xâm phạm.

Điều 15 Hội đồng

(1)(a) Các Bên ký kết sẽ thành lập một Hội đồng.

(b) Mỗi Bên ký kết có một đại biểu đại diện có thể nhận sự trợ giúp của các đại biểu dự khuyết, cố vấn và chuyên gia.

(c) Các chi phí cho đoàn đại diện do Bên ký kết chỉ định đoàn chịu. Hội đồng có thể yêu cầu Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (sau đây gọi tắt là

WIPO) dành cho sự trợ giúp về tài chính nhằm tạo sự thuận lợi cho việc tham gia của các đoàn của những Bên ký kết được Đại Hội đồng Liên Hiệp quốc

coi là những nước đang phát triển hoặc là những nước đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường.

(2)(a) Hội đồng phải giải quyết những vấn đề liên quan đến việc duy trì, phát triển Hiệp ước này,

việc áp dụng và thực hiện Hiệp ước.

(b) Hội đồng phải thực hiện các chức năng đã được xác định theo Điều 17(2) trong trường hợp tổ chức liên chính phủ trở thành Bên tham gia Hiệp

ước.

(c) Hội đồng quyết định việc triệu tập hội nghị ngoại giao để sửa đổi Hiệp ước và đưa ra các khuyến nghị cần thiết cho Tổng Giám đốc WIPO về việc

chuẩn bị hội nghị ngoại giao này.

(3)(a) Mỗi Quốc gia là Bên ký kết có một phiếu bầu và chỉ được bỏ phiếu nhân danh quốc gia mình.

(b) Bên ký kết là tổ chức liên chính phủ được tham gia bỏ phiếu thay cho các Bên ký kết của tổ chức mình với số phiếu bầu tương đương với số Bên

ký kết của tổ chức mình là Bên tham gia Hiệp ước này. Không một tổ chức liên chính phủ nào được tham gia bỏ phiếu nếu bất kỳ một Bên ký kết nào

của tổ chức này thực hiện quyền bỏ phiếu của mình và ngược lại.

(4) Hội đồng nhóm họp thường kỳ hai năm một lần theo sự triệu tập của Tổng Giám đốc WIPO.

(5) Hội đồng phải lập ra quy chế hoạt động của mình, kể cả việc triệu tập khoá họp bất thường, yêu cầu về số đại biểu tối thiểu họp lệ, và đa số phiếu bầu

cần thiết cho việc thông qua những quyết định khác nhau tùy thuộc vào những quy định của Hiệp ước.

Điều 16 Văn phòng Quốc tế

Văn phòng Quốc tế của WIPO sẽ thực hiện những công việc quản lý liên quan đến Hiệp ước.

Điều 17 Điều kiện để trở thành Bên tham gia Hiệp ước

(1) Bất kỳ Nước thành viên nào của WIPO đều có thể trở thành Bên tham gia Hiệp ước này.

(2) Hội đồng có quyền quyết định chấp nhận bất kỳ tổ chức liên chính phủ nào mà tuyên bố rằng mình có đủ thẩm quyền, và có điều lệ riêng ràng buộc tất

cả các Bên ký kết của tổ chức và rằng tổ chức đã được uỷ quyền, theo quy chế hoạt động của tổ chức mình, đối với các vấn đề được quy định trong

Hiệp ước này, trở thành Bên tham gia Hiệp ước này.

(3) Cộng đồng châu Âu, có đưa ra tuyên bố nói tại Khoản trên tại Hội nghị Ngoại giao thông qua Hiệp ước này, có thể trở thành Bên tham gia Hiệp ước.

Điều 18 Các quyền và nghĩa vụ theo Hiệp ước

Các Bên ký kết được hưởng tất cả các quyền và thực hiện tất cả các nghĩa vụ theo Hiệp ước, trừ

trường hợp các quy định riêng của Hiệp ước này có quy định khác.

Điều 19 Ký kết Hiệp ước

Đến ngày 31/12/1997 Hiệp ước này được mở để mọi nước Thành viên của WIPO và Cộng đồng châu Âu ký.

Điều 20 Đưa Hiệp ước vào hiệu lực

Hiệp ước bắt đầu có hiệu lực 3 tháng sau khi có 30 văn kiện phê chuẩn hay gia nhập của các Nước được nộp tới Tổng Giám đốc WIPO.

Điều 21 Ngày có hiệu lực để trở thành Bên tham gia Hiệp ước

Hiệp ước sẽ ràng buộc:

(i) 30 Nước nói tại Điều 20 từ ngày Hiệp ước bắt đầu có hiệu lực;

(ii) Các Nước khác, từ ngày hết thời hạn 3 tháng kể từ ngày Nước đó nộp văn kiện của mình tới Tổng Giám đốc WIPO;

(iii) Cộng đồng châu Âu, từ ngày hết thời hạn 3 tháng sau khi nộp văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập của mình nếu văn kiện này được nộp sau khi Hiệp

ước bắt đầu có hiệu lực theo Điều 20, hoặc 3 tháng sau khi Hiệp ước bắt đầu có hiệu lực nếu như văn kiện này được nộp trước khi Hiệp ước bắt đầu

có hiệu lực;

(iv) mọi tổ chức liên chính phủ khác được chấp nhận trở thành Bên tham gia Hiệp ước này từ ngày hết thời hạn 3 tháng sau khi nộp văn kiện gia nhập

của mình.

Điều 22 Không có bảo lưu đối với Hiệp ước

Không một bảo nào đối với Hiệp ước này được chấp nhận.

Điều 23 Rút khỏi Hiệp ước

Các Bên ký kết có thể rút khỏi Hiệp ước này thông qua thông báo gửi tới Tổng Giám đốc WIPO. Việc rút khỏi này có hiệu lực một năm sau ngày Tổng

Giám đốc WIPO nhận được thông báo.

Điều 24 Ngôn ngữ của Hiệp ước

(1) Hiệp ước được ký từng đơn bản bằng tiếng Anh, Ả Rập, Trung Quốc, Pháp, Nga và Tây Ban Nha, các bản này có giá trị ngang nhau.

(2) Văn bản chính thức bằng những thứ tiếng khác với thứ tiếng nêu tại Khoản (1) sẽ do Tổng Giám đốc WIPO lập ra theo yêu cầu của thành viên có

liên quan phải lấy ý kiến của tất cả các Bên ký kết có liên quan. Trong Khoản này, thì "Bên ký kết có liên quan" có nghĩa là bất kỳ Bên ký kết nào của

WIPO có ngôn ngữ chính thức, hoặc có một trong các ngôn ngữ chính thức đang hoặc yêu cầu lập; Cộng đồng châu Âu và các tổ chức liên chính phủ có

thể trở thành Bên ký kết Hiệp ước, nếu một trong các ngôn ngữ chính thức của những tổ chức đó được yêu cầu lập.

Điều 25 Lưu giữ

Tổng Giám đốc WIPO là người lưu giữ Hiệp ước.

Các Điều Khoản của Công ước Berne

Bảo hộ các Tác phẩm Văn học và Nghệ thuật (1971)

Dẫn chiếu trong WCT

Các Bên ký kết Liên hiệp cùng xuất phát từ lòng mong muốn, nhất trí đến mức tối đa, bảo hộ các quyền của tác giả trong các tác phẩm văn học và nghệ

thuật một cách hữu hiệu và đồng bộ,

Công nhận tầm quan trọng của nội dung Hội nghị Sửa đổi họp tại Stockholm năm 1967,

Quyết định việc sửa đổi Nghị định được Hội nghị Stockholm thông qua mà vẫn duy trì không thay đổi các Điều từ 1 đến Điều 20 và từ Điều 22 đến Điều

26 của Đạo luật này.

Các Đại biểu toàn quyền ký tên dưới đây, sau khi đưa ra đầy đủ quyền hạn của mình và được công nhận là hợp lệ, đã thoả thuận như sau:

Điều 1 Thành lập Liên hiệp

Các nước áp dụng Công ước này họp thành một Liên hiệp để bảo hộ các quyền của tác giả các tác phẩm văn học và nghệ thuật.

Điều 2

Các tác phẩm được bảo hộ: 1. "Các tác phẩm văn học và nghệ thuật"; 2. Yêu cầu hợp lý của việc ghi lại; 3. Các tác phẩm phái sinh; 4. Văn bản chính thức; 5. Biên soạn; 6. Nghĩa vụ để bảo hộ; các lợi ích của việc bảo hộ; 7. Tác phẩm nghệ thuật ứng dụng và kiểu dáng công

nghiệp; 8. Tin tức

(1) Thuật ngữ "Các tác phẩm văn học và nghệ thuật" phải bao gồm mọi sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kể chúng ở dưới

dạng hay hình thức thể hiện nào, chẳng hạn như sách, sách nhỏ và các tác phẩm viết khác; bài giảng, bài phát biểu, bài thuyết giáo và các tác phẩm

khác có cùng bản chất; các tác phẩm kịch hoặc nhạc kịch; các tác phẩm nghệ thuật múa và kịch câm; bản nhạc có lời hay không lời; các tác phẩm điện

ảnh mà chúng được đồng hoá bằng các tác phẩm được thể hiện bằng phương pháp tương tự như điện ảnh; tác phẩm đồ họa, sơn dầu, kiến trúc, chạm

trổ, điêu khắc, tranh khắc bản; các tác phẩm nhiếp ảnh được đồng hoá bằng các tác phẩm được thể hiện bằng phương pháp tương tự như nhiếp ảnh;

các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng; các tác phẩm minh họa, địa đồ, bản thiết kế, bản phác họa và các tác phẩm ba chiều liên quan đến địa lý, địa hình,

kiến trúc hay khoa học.

(2) Tuy nhiên, luật pháp các Bên ký kết Liên hiệp có thẩm quyền quy định rằng các tác phẩm nói chung hoặc bất kỳ loại hình tác phẩm cụ thể nào

không được bảo hộ trừ khi chúng đã được ghi lại dưới một số dạng vật chất nhất định.

(3) Các tác phẩm dịch, cải biên, cải biên âm nhạc và các chuyển thể khác từ một tác phẩm văn học hoặc nghệ thuật phải được bảo hộ như các tác

phẩm gốc mà không được phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc.

(4) Luật pháp các Bên ký kết Liên hiệp có thẩm quyền xác định việc bảo hộ được thừa nhận đối với các văn bản chính thức về lập pháp, hành pháp hoặc

tư pháp và bản dịch chính thức của các văn bản đó.

(5) Việc biên soạn các tác phẩm văn học hoặc nghệ thuật bằng cách lựa chọn và sắp xếp nội dung của chúng, chẳng hạn như bộ bách khoa toàn thư và

tuyển tập mà chúng tạo thành các sáng tạo trí tuệ phải được bảo hộ như là một tác phẩm nhưng không được phương hại đến quyền tác giả trong từng

tác phẩm đã tạo thành từng phần của việc biên soạn đó.

(6) Các tác phẩm nói trong Điều này phải hưởng sự bảo hộ ở tất cả các Bên ký kết Liên hiệp. Việc bảo hộ này phải được thực hiện vì lợi ích của tác giả

và người thừa kế quyền tác giả.

(7) Tùy thuộc vào các quy định của Điều 7 (4), luật pháp các Bên ký kết Liên hiệp có thẩm quyền

xác định việc áp dụng mở rộng việc áp dụng pháp luật

nước mình cho các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng, thiết kế và kiểu dáng công nghiệp cũng như các điều kiện áp dụng cho tác phẩm này, thiết kế và kiểu

dáng phải được bảo hộ. Các tác phẩm được bảo hộ ở quốc gia gốc chỉ như là thiết kế và kiểu dáng chỉ được quyền bảo hộ trong các nước thuộc liên

hiệp khác đối với việc bảo hộ đặc biệt như là được thừa nhận ở quốc gia đó bảo hộ các thiết kế và kiểu dáng; tuy nhiên, nếu không có sự bảo hộ đặc

biệt như vậy được thừa nhận ở quốc gia đó, thì các tác phẩm này phải được bảo hộ như tác phẩm nghệ thuật.

(8) Việc bảo hộ của Công ước này không áp dụng cho các tin tức thời sự hàng ngày hoặc tin tức xã hội chỉ có tính chất đưa tin trên báo chí.

Điều 2bis Giới hạn hợp lý việc bảo hộ các tác phẩm cụ thể: 1. Bài diễn văn; 2. Sử dụng bài giảng, bài diễn thuyết; 3. Quyền biên soạn các tác phẩm trên

(1) Luật pháp các Bên ký kết Liên hiệp có thẩm quyền loại trừ việc bảo hộ được quy định bởi Điều Khoản nói trên toàn bộ hoặc một phần bài diễn văn

chính trị và những lời phát biểu trong các quá trình tố tụng của toà án.

(2) Luật pháp các Bên ký kết Liên hiệp cũng có thẩm quyền xác định điều kiện theo đó các bài giảng, diễn thuyết và các tác phẩm khác có cùng bản chất

mà chúng được phát biểu trước công chúng được đăng lại trên báo chí, phát thanh hoặc truyền đạt tới công chúng bằng vô tuyến và việc truyền bá công

khai tới công chúng như được quy định tại Khoản 1 Điều 11 bis khi việc sử dụng này được giải thích bởi mục đích thông tin.

(3) Tuy nhiên, tác giả phải hưởng độc quyền thực hiện việc biên soạn các tác phẩm của họ mà chúng được đề cập ở Khoản trên.

Điều 3 Tiêu chuẩn tư cách để bảo hộ: 1. Quốc tịch của tác giả; nơi công bố tác phẩm; 2. Cư trú của tác giả; 3. Tác phẩm "đã công bố"; 4. Tác phẩm "đồng thời được công bố

(1) Việc bảo hộ theo Công ước phải áp dụng cho:

(a) Tác giả là công dân của một trong các Bên ký kết Liên hiệp, cho dù tác phẩm của họ đã hoặc chưa công bố;

(b) tác giả không phải là công dân của một trong các Bên ký kết Liên hiệp, nhưng tác phẩm của họ được công bố lần đầu tiên ở một trong Bên ký kết

hoặc đồng thời công bố tại một nước nằm ngoài Liên hiệp và một nước là thành viên Liên hiệp.

(2) Tác giả không phải là công dân của một trong các Bên ký kết Liên hiệp nhưng họ cư trú thường xuyên ở một Bên ký kết thì phải xem như là công

dân ở Bên ký kết đó vì mục đích của Công ước này.

(3) Thuật ngữ "Tác phẩm đã công bố" nghĩa là các tác phẩm đã công bố với sự đồng ý của tác giả, không phân biệt phương pháp sản xuất các bản sao,

với điều kiện rằng giá trị của các bản sao này đáp ứng được nhu cầu hợp lý của công chúng quan tâm đến bản chất của tác phẩm. Việc biểu diễn tác

phẩm kịch, nhạc kịch, điện ảnh, diễn tấu tác phẩm âm nhạc, đọc trước công chúng tác phẩm văn học, truyền bá bằng hữu tuyến hoặc phát thanh tác

phẩm văn học, nghệ thuật, triển lãm tác phẩm mỹ thuật và xây dựng tác phẩm kiến trúc không được coi là xuất bản.

(4) Một tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên mà trong vòng 30 ngày được xuất bản ở hai nước hoặc trên hai nước, thì tác phẩm đó được coi là xuất

bản đồng thời ở nhiều nước.

Điều 4 Tiêu chuẩn tư cách để bảo hộ tác phẩm điện ảnh, tác phẩm kiến trúc và một số tác phẩm nghệ thuật

(1) Tác giả được liệt kê dưới đây dù không đáp ứng được điều kiện theo quy định tại Điều 3, vẫn được bảo hộ theo Công ước này:

(a) Trụ sở của nhà sản xuất phim, hoặc tác giả tác phẩm điện ảnh thường trú ở một Bên ký kết của Liên hiệp;

(b) Tác giả của tác phẩm kiến trúc được xây dựng ở một nước thuộc Liên hiệp hoặc tác phẩm phẩm nghệ thuật khác gắn với một toà nhà hay của một

phần cấu trúc ở một nước là thành viên Liên Hiệp.

Điều 5 Các quyền được cấp: 1. và 2. Ngoài quốc gia gốc; 3. Tại quốc gia gốc; 4. "Quốc gia gốc"

(1) Về tác phẩm được hưởng sự bảo hộ của Công ước này, tác giả được hưởng các quyền mà hiện nay và sau này luật pháp của các Bên ký kết của

Liên hiệp dành cho công dân của nước đó ngoài quốc gia gốc tác phẩm, cũng như là được hưởng quyền riêng biệt của Công ước này.

(2) Việc hưởng và thực hiện các quyền này không phải làm bất kỳ một thủ tục nào, không kể tác phẩm đó có được bảo hộ hay không bảo hộ ở quốc gia

gốc của tác phẩm. Do đó, ngoài các điều Khoản của Công ước này, mức độ bảo hộ, cũng như phương pháp bảo hộ được đề ra nhằm bảo hộ quyền lợi

của tác giả hoàn toàn do quy định luật pháp của quốc gia được yêu cầu bảo hộ.

(3) Việc bảo hộ ở quốc gia gốc do luật pháp quốc gia đó quy định. Nếu tác giả không phải là công dân của quốc gia gốc, nhưng tác phẩm được Công

ước bảo hộ, thì tác giả đó được hưởng các quyền giống như tác giả ở quốc gia đó.

(4) Quốc gia gốc được xem là:

(a) Đối với tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên ở một Bên ký kết Liên hiệp thì nước đó là quốc gia gốc; trường hợp các tác phẩm được xuất bản đồng

thời ở một số Bên ký kết Liên hiệp mà thời hạn bảo hộ khác nhau, thì lấy quốc gia có thời hạn bảo hộ ngắn nhất làm quốc gia gốc;

(b) Đối với tác phẩm được xuất bản đồng thời ở một nước không là Bên tham gia Liên hiệp và ở một nước là Bên tham gia Liên hiệp thì nước xuất bản

sau là quốc gia gốc;

(c) Đối với tác phẩm chưa xuất bản hoặc lần đầu tiên xuất bản ở nước không là Bên tham gia Liên hiệp và không đồng thời xuất bản ở Bên ký kết của

Liên hiệp, thì quy định:

i. tác phẩm điện ảnh mà nhà sản xuất có trụ sở hoặc nơi thường trú ở một Bên ký kết Liên hiệp, thì lấy nước đó làm quốc gia gốc.

ii. tác phẩm kiến trúc được xây dựng tại một nước là thành viên Liên hiệp hoặc tác phẩm nghệ thuật gắn với một toà nhà hay cấu trúc khác đặt tại một

nước là thành viên Liên hiệp, thì lấy nước đó làm quốc gia gốc.

Điều 6 ăng ký bảo hộ trong trường hợp tác giả tác phẩm cụ thể là công dân của một số quốc gia ngoài Liên hiệp: 1. Tại quốc gia xuất bản lần đầu tiên và ở quốc gia khác; 2. Không có hiệu lực trở về trước; 3. Thời hạn

(1) Bất cứ một nước nào không phải là thành viên Liên hiệp mà không có khả năng bảo hộ đầy đủ cho tác phẩm của các tác giả là công dân của một

Bên ký kết Liên hiệp, thì Bên ký kết Liên hiệp có thể hạn chế việc bảo hộ đối với tác phẩm được xuất bản lần đầu tiên của tác giả là công dân của một

nước không phải là thành viên Liên hiệp mà không thường trú ở một Bên ký kết Liên hiệp. Nếu quốc gia xuất bản lần đầu tiên áp dụng quyền lợi này, thì

các Bên ký kết khác của Liên hiệp cũng không phải bảo hộ một cách rộng rãi đối với quốc gia xuất bản lần đầu tiên đó dù cho tác phẩm đó đã được sự

đãi ngộ đặc biệt.

(2) Bất cứ sự hạn chế nào được quy định ở Khoản trên đều không ảnh hưởng đến các quyền mà tác

giả đã được hưởng đối với tác phẩm đã xuất bản ở

một trong những Bên ký kết Liên hiệp trước khi sự hạn chế này được thực thi.

(3) Những Bên ký kết Liên hiệp nếu muốn áp dụng Điều này để có sự hạn chế đối với việc bảo hộ quyền tác giả bằng một văn bản thông báo cho Tổng

giám đốc Tổ chức Trí tuệ thế giới (gọi tắt là Tổng giám đốc), nêu rõ quốc gia bị hạn chế sự bảo hộ và quyền lợi của tác giả là công dân các nước bị hạn

chế. Tổng giám đốc sẽ thông báo ngay điều đó cho các Bên ký kết Liên hiệp.

Điều 6bis Quyền tinh thần: 1. Yêu cầu thừa nhận tác giả; Phản đối những hành động sửa đổi và xâm hại khác; 2. Sau khi tác giả chết; 3. Biện pháp bồi thường

(1) Không chịu sự ảnh hưởng của quyền kinh tế, thậm chí cả sau khi quyền kinh tế nói trên được chuyển nhượng, tác giả vẫn giữ nguyên quyền đòi

thừa nhận mình là tác giả tác phẩm và có quyền phản đối bất kỳ sự xuyên tạc, cắt xén hay sửa đổi, hoặc những hành vi xâm hại khác đối với tác phẩm

có thể làm phương hại đến danh dự và tiếng tăm của tác giả.

(2) Sau khi tác giả chết, quyền lợi giành cho tác giả theo quy định ở Khoản trên vẫn được duy trì ít nhất cho đến khi chấm dứt các quyền kinh tế, cá

nhân hoặc tổ chức được hưởng quyền có thể thực hiện theo pháp luật ở quốc gia bảo hộ. Nhưng những quốc gia khi phê chuẩn, hoặc gia nhập Công

ước này mà luật pháp quốc gia đó không bao gồm việc đảm bảo toàn bộ quyền lợi ở Khoản 1 nhằm bảo hộ sau khi tác giả chết, các quốc gia đó có

quyền quy định không bảo lưu một số quyền lợi nào đó hay những quyền lợi nói trên sau khi tác giả chết.

(3) Việc dùng biện pháp bồi thường nhằm đảm bảo quyền mà Công ước này thừa nhận, sẽ do luật pháp quốc gia bảo hộ quyết định.

Điều 7 Thời hạn bảo hộ: 1. Điểm chung; 2. Đối với tác phẩm điện ảnh; 3. Đối với tác phẩm khuyết danh và vô danh; 4. Tác phẩm nhiếp ảnh và tác phẩm nghệ thuật ứng dụng; 5. Ngày bắt đầu được tính; 6. Thời hạn lâu hơn; 7. Thời hạn ngắn hơn; 8. Luật pháp được áp dụng; thời hạn "so sánh".

(1) Thời hạn bảo hộ theo Công ước này sẽ là suốt cuộc đời của tác giả và năm mươi năm sau khi tác giả chết.

(2) Nhưng đối với tác phẩm điện ảnh, các quốc gia thành viên Liên hiệp có thể quy định thời hạn bảo hộ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được phổ

biến đến công chúng với sự đồng ý của tác giả hoặc nếu tác phẩm sau khi hoàn thành mà trong vòng 50 năm không phổ cập tới công chúng tính từ ngày

sáng tạo ra tác phẩm, thì thời hạn bảo hộ sẽ chấm dứt 50 năm sau khi tác phẩm được hoàn thành.

(3) Đối với những tác phẩm không rõ tên hay bút hiệu, thời hạn bảo hộ do Công ước này quy định sẽ chấm dứt 50 năm kể từ khi tác phẩm được phổ

biến đến công chúng một cách hợp pháp. Nhưng khi căn cứ vào bút hiệu mà tác giả sử dụng để xác định thân phận của tác giả mà không chút nghi ngờ

thì thời hạn bảo hộ sẽ áp dụng như quy định tại Khoản 1. Nếu tác giả của tác phẩm không rõ tên hay bút hiệu tiết lộ thân phận của mình trong thời gian

đã nói ở trên, thì thời hạn bảo hộ sẽ áp dụng như quy định ở Khoản 1. Các Bên ký kết Liên hiệp không có nghĩa vụ bảo hộ những tác phẩm không rõ tên

hay bút hiệu trong trường hợp có đủ lý do khẳng định tác giả đã chết được 50 năm.

(4) Thời hạn bảo hộ tác phẩm nhiếp ảnh và tác phẩm mỹ thuật ứng dụng được bảo hộ như tác phẩm nghệ thuật do luật pháp các Bên ký kết Liên hiệp

quy định; nhưng thời hạn này không ngắn hơn 25 năm kể từ khi tác phẩm được hoàn thành.

(5) Thời hạn bảo hộ sau khi tác giả chết và những thời hạn được quy định ở các Khoản 2,3 và 4 trên đây được bắt đầu tính từ khi tác giả chết hay từ

những biến cố đã nói ở trên, tuy nhiên, thời hạn này chỉ được tính từ ngày 1 tháng 1 năm tiếp theo sau khi chết hay biến cố đã nói.

(6) Các Bên ký kết Liên hiệp có quyền quy định thời hạn bảo hộ dài hơn các thời hạn quy định ở những Khoản trên.

(7) Các Bên ký kết Liên hiệp bị ràng buộc bởi Công ước Roma và khi ký kết Công ước này, thì quy định của luật pháp trong nước hiện hành về thời hạn

bảo hộ lại ngắn hơn quy định nói ở các Khoản trên, có quyền duy trì thời hạn ngắn hơn đó trong khi gia nhập hay phê chuẩn Công ước.

(8) Dù thế nào, thì thời hạn sẽ do luật pháp quốc gia yêu cầu bảo hộ quy định; nhưng, trừ khi luật pháp của quốc gia đó quy định khác đi, thời hạn bảo hộ

đó không vượt quá thời hạn mà ở quốc gia gốc của tác phẩm đã quy định.

Điều 7bis Thời hạn bảo hộ đối với tác phẩm đồng tác giả

Quy định của Khoản trên cũng được áp dụng đối với tác phẩm đồng tác giả, nhưng thời hạn bảo hộ sẽ được tính sau khi tác giả cuối cùng chết.

Điều 8 Quyền dịch thuật

Tác giả của các tác phẩm văn học nghệ thuật được Công ước này bảo hộ trong suốt thời hạn hưởng quyền bảo hộ trên đối với tác phẩm gốc, và còn

được hưởng độc quyền dịch và cho phép dịch tác phẩm.

Điều 9 Quyền sao in: 1. Điểm chung; 2. Ngoại lệ; 3. Thu thanh và thu hình

(1) Tác giả của các tác phẩm văn học nghệ thuật được Công ước này bảo hộ được hưởng quyền riêng biệt từ việc cho phép sao in lại các tác phẩm đó

dưới bất kỳ phương thức hay hình thức nào.

(2) Luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp có quyền cho phép sao in lại những tác phẩm nói trên trong một vài trường hợp đặc biệt, miễn là sự sao in đó

không ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường của tác phẩm hoặc không làm phương hại một cách vô cớ đến quyền lợi hợp pháp của tác giả.

(3) Bất cứ việc ghi âm hay ghi hình nào đều được xem là sao in lại theo nghĩa của Công ước này.

Điều 10 Tự do sử dụng một số tác phẩm cụ thể: 1. Trích dẫn; 2. Minh họa cho giảng dạy; 3. Chỉ dẫn nguồn gốc và tác giả

(1) Được sử dụng trích dẫn từ một tác phẩm đã được phổ biến hợp pháp tới công chúng, kể cả việc sự trích dẫn từ các bài báo và tập san định kỳ dưới

hình thức điểm báo, chỉ cần phù hợp với việc sử dụng hợp lý, trong phạm vi yêu cầu chính đáng để đạt được mục đích.

(2) Luật pháp của các Bên ký kết Liên hiệp và những hiệp định đặc biệt đã có hoặc sẽ ký kết giữa các Bên ký kết quy định quyền sử dụng tác phẩm văn

học hay nghệ thuật bằng cách trích dẫn để minh họa trong các xuất bản phẩm, các buổi phát thanh, ghi âm hoặc ghi hình nhằm mục đích giảng dạy, chỉ

cần sử dụng trong phạm vi yêu cầu chính đáng và phù hợp với việc sử dụng hợp lý .

(3) Cần phải nói rõ xuất xứ của trích dẫn và sử dụng nó tại các Khoản trên, đồng thời cũng cần nói rõ tên tác giả.

Điều 10bis Mở rộng sử dụng tự do các tác phẩm: 1. Một số bài báo và tác phẩm phát thanh cụ thể; 2. Tác phẩm nghe hoặc nhìn thấy liên quan đến những sự kiện phổ biến

(1) Luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp có thể cho phép đăng lại trên báo chí, phát lại trên đài truyền thanh hoặc phương tiện thông tin đại chúng bằng

đường dây những bài viết đã đăng có tính chất thời sự về kinh tế, chính trị hay tôn giáo đã được đăng trên báo chí hoặc tác phẩm truyền thanh có cùng

tính chất tương tự, nhưng việc sao lại, phát thanh hoặc truyền đạt bằng dây cáp ấy giới hạn ở chỗ khi chưa biết rõ xuất xứ; trách nhiệm pháp luật đối với

việc vi phạm nghĩa vụ này sẽ do pháp luật của quốc gia yêu cầu bảo hộ xác định.

(2) Luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp cũng có thể quy định trong những điều kiện nào những

tác phẩm văn học hay nghệ thuật được nhìn thấy hoặc

nghe thấy trong một buổi thông tin thời sự qua hình ảnh hay phim hoặc phát thanh hay truyền đạt tới quần chúng bằng đường dây, có thể được sao in lại

và phổ cập tới công chúng trong phạm vi nhu cầu chính đáng nhằm mục đích thông tin.

Điều 11 Các quyền cơ bản trong tác phẩm âm nhạc và kịch: 1. Quyền trình diễn công cộng và truyền đạt trình diễn tới công chúng; 2. Trong trường hợp dịch thuật

(1) Tác giả các tác phẩm kịch, nhạc kịch và âm nhạc được hưởng các quyền riêng biệt sau:

i. biểu diễn và diễn tấu công khai các tác phẩm của mình, bao gồm việc biểu diễn và diễn tấu công khai dưới bất kỳ hình thức hoặc phương thức nào;

ii. biểu diễn và diễn tấu tác phẩm của mình bằng bất kỳ phương thức nào.

(2) Tác giả của tác phẩm kịch hoặc nhạc kịch được hưởng quyền lợi đối với tác phẩm dịch của họ giống như họ được hưởng quyền lợi đối với tác phẩm

gốc trong suốt thời gian bảo hộ.

Điều 11bis Quyền phát thanh và quyền liên quan: 1. Phát thanh và truyền đạt bằng vô tuyến, phát thanh truyền đạt tới công chúng bằng dây cáp hoặc phát lại, truyền đạt tới công chúng bằng loa phát thanh hay bằng các phương tiện tương tự; 2. Giấy phép bắt buộc; 3. Ghi âm; Bản ghi âm nhất thời

1. Tác giả của các tác phẩm văn học và nghệ thuật được hưởng các quyền riêng biệt sau:

i. quyền phát thanh tác phẩm hoặc bằng phương pháp truyền đạt của mình bằng ký hiệu, âm thanh hoặc hình ảnh để phổ biến tác phẩm tới công chúng;

ii. quyền phát thanh để phổ biến tác phẩm tới công chúng do một tổ chức khác phát thanh bằng dây cáp hoặc chuyển tiếp ngoài tổ chức phát thanh đầu

tiên;

iii. quyền truyền đạt tới công chúng bằng loa phóng thanh hay bất kỳ phương tiện nào tương tự như vậy để truyền ký hiệu, âm thanh hay hình ảnh.

2. Điều kiện để thực thi các quyền nói ở Khoản trên do luật pháp quốc gia thành viên Liên hiệp quy định, nhưng các quốc gia phải quy định giới hạn chặt

chẽ có hiệu lực đối với các quyền đó. Trong bất kỳ trường hợp nào, những điều kiện đó không được làm hại đến quyền tinh thần của tác giả, cũng như

không làm tổn hại đến quyền mà tác giả được nhận thù lao hợp lý, trong trường hợp không có sự thoả thuận về thù lao thì cơ quan chủ quản quy định.

3. Nếu không có quy định nào khác, căn cứ vào các quyền ở Khoản 1, không có nghĩa là có quyền dùng thiết bị ghi âm hoặc ghi hình để ghi lại tác phẩm

phát sóng. Nhưng, luật pháp của quốc gia thành viên Liên hiệp có thể ban hành văn bản quy định tổ chức phát sóng dùng thiết bị của mình để ghi lại nhất

thời chương trình do tổ chức của mình đã phát sóng. Luật pháp quốc gia thành viên cũng có thể phê chuẩn để cơ quan lưu trữ Nhà nước lưu giữ những

sản phẩm ghi lại có tính chất văn hiến đặc biệt.

Điều 11ter Các quyền cụ thể trong tác phẩm văn học: 1. Quyền công khai đọc và quyền truyền đạt công khai đọc tác phẩm; 2. Trong trường hợp các bản dịch

1. Tác giả của tác phẩm văn học được hưởng quyền riêng biệt sau đây:

i. quyền công khai đọc tác phẩm bao gồm các cách hoặc phương thức đọc công khai;

ii. quyền dùng các phương thức để công khai đọc tác phẩm của mình.

2. Tác giả tác phẩm văn học được hưởng quyền lợi đối với tác phẩm trong suốt thời gian bảo hộ, đối với bản dịch tác phẩm của mình, tác giả cũng được

hưởng quyền giống như vậy.

Điều 12 Quyền cải biên và sắp xếp các sửa đổi khác

Tác giả tác phẩm văn học và nghệ thuật được hưởng quyền riêng biệt đối với việc cải biên âm nhạc và các biến động khác đối với tác phẩm của mình.

Điều 13 Giới hạn quyền thu thanh các tác phẩm âm nhạc và bất kể ngôn từ nào thuộc về âm nhạc: 1. Giấy phép bắt buộc; 2. Các biện pháp nhất thời; 3. Việc tịch thu các bản sao nhập khẩu không được phép của tác giả

1. Mỗi quốc gia thành viên Liên hiệp có thể quy định sự bảo lưu và điều kiện liên quan đến quyền riêng biệt cho tác giả của tác phẩm âm nhạc và tác giả

lời cho phép phổ nhạc đối với việc cho phép ghi âm tác phẩm âm nhạc và tác phẩm âm nhạc có lời. Nhưng sự hạn chế chặt chẽ đối với sự bảo lưu và

điều kiện đó do quốc gia tự quy định, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không được làm phương hại đến quyền lợi hưởng thù lao hợp lý của tác giả,

trong trường hợp không có thoả thuận, thì cơ quan chủ quản quy định.

2. Việc ghi âm tác phẩm âm nhạc ở quốc gia thành viên Liên hiệp theo Khoản 3 Điều 13 của các Công ước ký kết ở Roma ngày 2/6/1928, ở Bruxelles

ngày 26/6/1948 có thể được sao in lại trong nước mà không cần có sự đồng ý của tác giả tác phẩm âm nhạc trong thời gian là hai năm tính từ ngày có

sự ràng buộc của Công ước này đối với quốc gia đó.

3. Sản phẩm ghi âm được sản xuất theo Khoản 1, 2 của Điều này, nếu chưa có sự phê chuẩn của bên

có liên quan thì quốc gia làm ra sản phẩm ghi âm

đó được xem là xâm phạm quyền ghi âm, có thể bị tịch thu.

Điều 14 Quyền trong tác phẩm điện ảnh và quyền liên quan: 1. Việc sửa đổi và sao in tác phẩm điện ảnh; phân phối; biểu diễn công cộng và truyền đạt công cộng bằng dây cáp những tác phẩm được sửa đổi và sao in; 2. Việc sửa đổi những sản phẩm điện ảnh; 3. Giấy phép không bắt buộc

1. Tác giả tác phẩm văn học, nghệ thuật được hưởng quyền riêng biệt sau đây:

i. quyền cải biên tác phẩm và tái tạo thành điện ảnh và phát hành tác phẩm cải biên, tái tạo đó;

ii. quyền biểu diễn, diễn tấu công khai tác phẩm cải biên, tái tạo đó và truyền tới công chúng bằng hữu tuyến.

2. Tác phẩm điện ảnh được sáng tạo từ tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc cải biên bằng bất cứ hình thức nghệ thuật nào khác, trong trường hợp không

có sự cản trở của tác giả tác phẩm điện ảnh, thì vẫn phải được phép của tác giả tác phẩm gốc.

3. Quy định ở Khoản 1 Điều 13 không áp dụng cho điện ảnh.

Điều 14bis Những điều Khoản đặc biệt liên quan đến tác phẩm điện ảnh: 1. Sự tương đồng đối với các tác phẩm "gốc"; 2. Chủ sở hữu; Quyền giới hạn của các nhà phân phối cụ thể; 2. Các nhà phân phối cụ thể khác

1. Trong trường hợp không làm phương hại đến quyền tác giả của tác phẩm đã được cải biên hoặc tái tạo, tác phẩm điện ảnh sẽ được bảo hộ như một

tác phẩm gốc. Người sở hữu quyền tác giả tác phẩm điện ảnh được hưởng giống như tác giả tác phẩm gốc bao gồm cả quyền đã nói ở Điều trên.

2. (a) Việc xác định người sở hữu quyền tác giả tác phẩm điện ảnh, thuộc phạm vi quy định trong pháp luật của quốc gia được yêu cầu bảo hộ.

(b) Tuy nhiên, ở những Bên ký kết Liên hiệp mà luật pháp thừa nhận người sở hữu quyền tác giả thuộc về những người làm ra tác phẩm điện ảnh,

những tác giả này đã có sự đóng góp các công việc nói trên, trừ phi có quy định ngược lại hoặc đặc biệt thì không được phản đối việc sao in lại, phát

hành, biểu diễn, diễn tấu công khai, truyền bá bằng hữu tuyến, phát thanh, phổ biến công khai tới công chúng, phụ đề hay lồng tiếng tác phẩm điện ảnh

đó.

(c) Việc áp dụng đầy đủ điểm b nói trên là ở chỗ có hay không có hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng văn thư tương tự, văn bản này được luật pháp quốc

gia nơi nhà sản xuất tác phẩm điện ảnh đặt trụ sở hay thường trú quy định. Tuy nhiên, luật pháp

quốc gia thành viên Liên hiệp nơi sự bảo hộ được áp

dụng có thể hợp đồng bằng văn bản hoặc một văn thư tương tự. Những nước mà luật pháp quy định như vậy phải thông báo bằng văn bản nói rõ cho

Tổng giám đốc, văn bản nói rõ này lập tức được Tổng giám đốc thông báo cho tất cả các Bên ký kết Liên hiệp.

(d) Thuật ngữ "quy định ngược lại hay đặc biệt" là chỉ bất cứ điều kiện có tính hạn chế nào có liên quan phải phù hợp với những điểm nói ở trên.

3. Trừ trường hợp luật pháp quốc gia thành viên quy định khác đi, quy định ở Khoản b Khoản 2 không áp dụng đối với tác giả của kịch bản, đối thoại và

âm nhạc được sáng tác cho việc thực hiện tác phẩm điện ảnh, cũng không áp dụng đối với đạo diễn chính tác phẩm điện ảnh. Nhưng, nếu luật pháp

quốc gia thành viên Liên hiệp chưa có quy định áp dụng Khoản b Khoản 2 đối với đạo diễn chính của điện ảnh, phải báo cho Tổng giám đốc bằng một văn

bản nói rõ, văn bản này lập tức được Tổng giám đốc thông báo cho tất cả các Bên ký kết Liên hiệp.

Điều 14ter "Droit de suite" trong tác phẩm nghệ thuật và bản thảo viết tay: 1. Quyền hưởng lợi từ việc bán lại; 2. Luật pháp được áp dụng; 3. Thủ tục

1. Đối với bản gốc tác phẩm nghệ thuật và bản thảo của nhà văn và nhà soạn nhạc, thì tác giả hoặc những cá nhân hay tổ chức được sở hữu quyền tác

giả theo luật pháp quốc gia sau khi tác giả chết sẽ được hưởng lợi ích đối với bất kỳ việc mua bán nào của tác phẩm đó sau khi tác giả của tác phẩm đã

chuyển nhượng lần đầu.

2. Chỉ có trong trường hợp luật pháp của quốc gia nơi tác giả sinh sống thừa nhận sự bảo hộ đó thì mới có thể yêu cầu bảo hộ theo quy định tại điểm

nói trên ở các quốc gia là thành viên Liên hiệp.

3. Phương thức và tỷ lệ hưởng lợi do luật pháp của các quốc gia quy định.

Điều 15 Quyền thực thi các quyền được bảo hộ: 1. Xác định tên của tác giả được chỉ ra hay bút danh của tác giả không gây nghi ngờ thân phận tác giả; 2. Trong trường hợp tác phẩm điện ảnh; 3. Trong trường hợp tác phẩm không rõ tên và dùng tên giả; 4. Trong trường hợp cụ thể tác phẩm chưa được công bố không biết quan hệ về tác giả

1. Để tác giả của tác phẩm văn học và nghệ thuật được hưởng sự bảo hộ của Công ước này, chỉ cần tên của tác giả được xuất hiện trên tác phẩm dưới

hình thức thông thường, trong trường hợp không có chứng cứ ngược lại, có thể nhìn nhận tác giả của tác phẩm đó có quyền khởi tố người xâm phạm

quyền lợi của mình ở các quốc gia thành viên Liên hiệp. Nếu tác giả dùng tên giả, chỉ cần căn cứ

vào tên giả đó để xác định thân phận của tác giả mà

không có chút nghi vấn, thì cũng có thể áp dụng Khoản này.

2. Cá nhân hoặc pháp nhân được ghi tên trên tác phẩm theo như thông lệ, trừ phi có bằng chứng ngược lại, thì được xem là nhà sản xuất tác phẩm điện

ảnh đó.

3. Đối với tác phẩm không rõ tên và tác phẩm mang tên giả, ngoài trường hợp nêu ở Khoản 1, nếu tên của nhà xuất bản xuất hiện trên tác phẩm và nếu

không có chứng cứ ngược lại, thì người xuất bản được coi là đại diện của tác giả, và có đủ tư cách giữ gìn, thực hiện các quyền của tác giả. Khi tác giả

công khai thân phận của mình và chứng minh mình là chủ sở hữu tác giả tác phẩm, thì quy định của Khoản này lập tức ngừng áp dụng.

4. (a) Đối với tác phẩm chưa xuất bản mà chưa biết ai là tác giả, nhưng có đủ cơ sở để cho rằng tác giả là công dân một Bên ký kết Liên hiệp, thì luật

pháp quốc gia ở nước đó chỉ định cơ quan chủ quản đại diện cho tác giả đó và có quyền giữ gìn và thực hiện quyền lợi của tác giả ở các quốc gia thành

viên Liên hiệp.

(b) Các quốc gia thành viên Liên hiệp muốn chỉ định cơ quan chủ quản theo quy định nói trên cần thông báo bằng văn bản cho Tổng giám đốc, trong văn

bản nói rõ toàn bộ tình hình có liên quan đến cơ quan chủ quản này. Tổng giám đốc thông báo ngay văn bản đó cho tất cả các Bên ký kết Liên hiệp.

Điều 16 Bản sao vi phạm: 1. Tịch thu; 2. Tịch thu từ nhập khẩu; 3. Luật được áp dụng

1. Bản sao tác phẩm phi pháp có thể bị tịch thu ở các quốc gia thành viên Liên hiệp nơi tác phẩm được hưởng sự bảo hộ của luật pháp.

2. Quy định ở Khoản trên cũng được áp dụng cho bản sao đến từ quốc gia mà tác phẩm nào đó không được bảo hộ, hoặc chấm dứt bảo hộ.

3. Việc tịch thu sẽ được thực hiện theo luật pháp của mỗi quốc gia.

Điều 17 Khả năng kiểm soát sự lưu thông, thể hiện và trưng bày tác phẩm

Nếu cơ quan chủ quản của bất cứ nước nào là thành viên Liên hiệp cho rằng cần phải có quyền thông qua luật pháp hoặc thực hiện giám sát hoặc ngăn

cấm đối với việc phát hành, trình diễn hay triển lãm bất kỳ tác phẩm nào, thì các điều Khoản của Công ước này không cản trở các quyền đó của Chính

phủ các Bên ký kết Liên hiệp.

Điều 18 Tác phẩm đã có khi Công ước có hiệu lực: 1. Được bảo hộ khi việc bảo hộ ở quốc gia gốc chưa hết thời hạn; 2. Không được bảo hộ khi việc bảo hộ đã hết thời hạn ở quốc gia kể cả khi có yêu cầu; 3. áp dụng các nguyên tắc; 4. Các trường hợp đặc biệt

1. Công ước này áp dụng cho tất cả những tác phẩm chưa hết thời hạn bảo hộ và chưa thuộc về lĩnh vực công cộng ở quốc gia gốc vào thời điểm Công

ước này có hiệu lực.

2. Nhưng, nếu tác phẩm hết thời hạn bảo hộ đã có trước đây và đã thuộc về lĩnh vực công cộng ở một quốc gia yêu cầu sự bảo hộ, thì tác phẩm đó sẽ

không được bảo hộ trở lại.

3. Việc áp dụng nguyên tắc trên phải căn cứ vào các quy định trong các Công ước đặc biệt có liên quan đã được ký hoặc sẽ được ký giữa các quốc gia

thành viên Liên hiệp. Trong trường hợp không có những điều Khoản như thế, từng nước quy định riêng những điều kiện áp dụng nguyên tắc nói trên.

4. Những quy định nói trên cũng được áp dụng trong trường hợp những quốc gia mới tham gia Liên hiệp và trong những trường hợp sự bảo hộ được gia

hạn bằng việc áp dụng Điều 7 hay bằng việc rút các bảo lưu.

Điều 19 Mở rộng hơn việc bảo hộ so với điều Khoản của Công ước

Nếu luật pháp của các Bên ký kết Liên hiệp đề ra việc mở rộng sự bảo hộ các điều Khoản của Công ước này cũng không cản trở sự đòi hỏi áp dụng quy

định đó.

Điều 20 Điều ước riêng giữa các Nước thuộc Liên hiệp

Chính phủ các nước thành viên Liên hiệp có quyền bảo lưu quyền phát sinh từ những điều ước mà các nước đã ký kết riêng với nhau nếu những điều

ước này mang lại cho tác giả những quyền rộng lớn hơn những quyền do Công ước quy định, hoặc bao gồm những quy định không trái với Công ước.

Các điều khoản của những điều ước hiện hành đáp ứng điều kiện nói trên vẫn được áp dụng.

Bản phụ lục

Những điều khoản đặc biệt liên quan đến các nước đang phát triển

Điều I Khả năng mở rộng cho các nước đang phát triển: 1. Khả năng cụ thể sẵn có; Tuyên bố; Thời hạn ảnh hưởng của tuyên bố; 3. Chấm dứt tình trạng ở các nước đang phát triển; 4. Các bản sao đã có; 5. Những tuyên bố liên quan đến các vùng lãnh thổ; 6. Giới hạn đặc quyền

1. Những nước được Đại Hội đồng Liên Hiệp quốc coi là nước đang phát triển, khi phê chuẩn hoặc gia nhập Nghị định thư này mà Bản phụ lục là một bộ

phần cấu thành nhưng do tình hình kinh tế xã hội hoá nhu cầu về văn hoá mà trước mắt chưa thể sắp xếp đảm bảo cho việc tiến hành bảo hộ toàn bộ

quyền lợi được quy định trong Nghị định thư này, thì đồng thời với việc nộp văn bản phê chuẩn hoặc gia nhập hoặc trong trường hợp không vi phạm

điểm c Khoản 1 Điều V của Bản phụ lục vào một thời điểm nào khác sau đó, có thể tuyên bố cho Tổng giám đốc là mình áp dụng quyền được quy định ở

Điều II hoặc quyền được quy định tại Điều III hoặc quyền được quy định ở cả hai Điều đó trong Bản phụ lục. Nước nói trên có thể thay vì tuyên bố sử

dụng khả năng quy định ở Điều II, ra tuyên bố thể theo Điểm a Khoản 1 Điều V.

2. (a). Mọi tuyên bố được thông báo trước khi hết hạn 10 năm quy định ở Khoản 1 kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của những Điều từ 1 đến 21 và Khoản

2 Điều 28 và Bản phụ lục này đều có hiệu lực cho đến hết thời hạn nói trên. Bất kỳ tuyên bố nào đều có thể được gia hạn toàn bộ hay một phần cho mỗi

thời hạn 10 năm tiếp theo bằng một thông báo nộp cho Tổng giám đốc không quá 15 tháng nhưng không ít hơn 3 tháng trước khi hết thời hạn 10 năm

hiện hành.

(b) Mọi tuyên bố theo Khoản 1 được thông báo sau khi hết thời hạn 10 năm kể từ ngày bắt đầu có hiệu lực của các Điều từ 1 đến 21 và Khoản 2 Điều II

của Bản phụ lục này sẽ có giá trị cho đến khi hết thời hạn 10 năm hiện hành. Tuyên bố đó có thể được kéo dài như quy định trong câu thứ hai của điểm

a.

3. Những Bên ký kết Liên hiệp đã không còn được coi là nước đang phát triển theo Khoản 1, không còn có tư cách tuyên bố kéo dài như đã quy định ở

Khoản 2, dù có chính thức rút lui tuyên bố hay không, nước đó không thể sử dụng các khả năng được nêu trong Khoản 1 kể từ ngày hết hạn thời gian

10 năm hiện hành hoặc sau khi hết thời hạn ba năm kể từ ngày nước đó không còn được coi là nước đang phát triển, hai thời hạn đó thời hạn nào dài

hơn sẽ được áp dụng.

4. Nếu vào thời điểm tuyên bố theo Khoản 1 hoặc 2 không còn hiệu lực nữa, nhưng còn tồn tại một

số bản sao đã được sản xuất nhờ vào giấy phép

được cấp theo quy định của Bản phụ lục này, thì những bản sao đó có thể được tiếp tục phát hành cho đến khi bán hết.

5. Những nước bị ràng buộc bởi những quy định của Công ước này và đã nộp một tuyên bố hay một thông báo theo Khoản 1 Điều 31 về việc áp dụng

Đạo luật này cho một lãnh thổ riêng biệt có tình trạng được coi là tương tự với tình trạng các nước nói ở Khoản 1, thì trong trường hợp đó đều có thể

tuyên bố theo Khoản 1 và thông báo gia hạn theo Khoản 2 đối với lãnh thổ đó trong thời gian tuyên bố hay thông báo này còn có giá trị, thì các quy định

của Bản phụ lục được áp dụng cho lãnh thổ đã nói.

6. (a). Việc một nước sử dụng bất kỳ quyền nào đã được nêu trong Khoản 1 không cho phép một nước khác đưa ra sự bảo hộ tác phẩm thấp hơn các

Điều từ 1 đến 20 đối với các tác phẩm có nước gốc là nước đã nêu ở trên.

(b). Quyền bình đẳng được quy định tại câu thứ hai điểm b Khoản 2 Điều 30 không được áp dụng với các tác phẩm có nước gốc là nước đã có tuyên bố

áp dụng điểm a Khoản 1 Điều V cho đến khi hết thời hạn quy định ở Khoản 3 Điều I.

Điều II Giới hạn quyền dịch thuật: 1. Giấy phép được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền; 2,3,4. Điều kiện cho phép cấp những loại giấy phép như vậy; 5. Mục đích mà giấy phép có thể được cấp; 6. Giới hạn của giấy phép; 7. Tác phẩm sáng tác chủ yếu là các minh họa; 8. Tác phẩm thu hồi lưu hành; 9. Giấy phép cho các tổ chức phan thanh

1. Bất kỳ nước nào tuyên bố áp dụng quyền nêu trong Điều này, đối với các tác phẩm đã xuất bản dưới dạng in ấn hay các dạng sao in tương tự, được

phép thay thế độc quyền dịch quy định trong Điều 8 bằng một giấy phép không độc quyền và không được phép chuyển nhượng do cơ quan có thẩm

quyền cấp theo các điều kiện dưới đây và phù hợp với Điều IV.

2. (a). Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, nếu một tác phẩm xuất bản lần đầu tiên sau khi hết thời hạn 3 năm hay một thời gian dài hơn do luật pháp

quốc gia nói trên quy định mà người sở hữu quyền dịch hoặc người hưởng quyền chưa cho phép nước đó xuất bản tác phẩm dịch bằng ngôn ngữ thông

dụng, thì bất kỳ công dân nào của nước nói trên có thể xin được giấy phép để dịch tác phẩm đó sang ngôn ngữ thông dụng của nước đó và xuất bản

bản dịch đó dưới dạng in ấn hay các dạng sao in tương tự.

(b). Nếu các số lượng bản dịch bằng ngôn ngữ có thể liên quan đã được bán hết, cũng có thể được

cấp giấy phép căn cứ theo Điều này.

3. (a). Trong trường hợp dịch sang một thứ ngôn ngữ không thông dụng ở một hay nhiều nước phát triển là thành viên Liên hiệp, thì thời hạn một năm sẽ

thay thế cho thời hạn ba năm nói ở điểm a Khoản 2.

(b). Với thoả thuận nhất trí của các nước phát triển là thành viên Liên hiệp có cùng một ngôn ngữ thông dụng chung, bất kỳ nước nào nêu ở Khoản 1

trên đều có thể dịch sang ngôn ngữ đó, và căn cứ vào thoả thuận nói trên để thay thế thời hạn 3 năm được nói trong điểm a Khoản 2 bằng một thời hạn

ngắn hơn, nhưng không được dưới một năm. Tuy nhiên, các quy định của câu trên đây sẽ không được áp dụng trong trường hợp ngôn ngữ đó là tiếng

Anh, tiếng Pháp hay tiếng Tây Ban Nha. Những thoả thuận nói trên cần thông báo cho Tổng giám đốc rằng Chính phủ các nước đã ký.

4.(a). Những giấy phép được cấp sau 3 năm theo quy định ở Điều này, khi cần có thể bổ sung thời hạn trên 6 tháng nữa mới được cấp; còn giấy phép

được cấp sau thời hạn 1 năm khi cần có thể bổ sung thêm thời hạn là 9 tháng

i. kể từ ngày người xin giấy phép hoàn thành các thủ tục nêu trong Khoản 1 Điều IV; hoặc

ii. nếu không biết tên và địa chỉ của người sở hữu quyền dịch, thì kể từ ngày người xin cấp giấy phép gửi đơn xin cấp giấy phép, theo quy định tại

Khoản 2 Điều IV lên cơ quan có thẩm quyền.

(b). Nếu chưa hết thời hạn 6 tháng hay 9 tháng nói trên, người sở hữu quyền dịch hoặc người hưởng quyền do xuất bản bản dịch sang thứ ngôn ngữ

trong đơn đề nghị, thì không được căn cứ vào Điều này để cấp giấy phép.

5. Bất cứ giấy phép nào được cấp theo Điều này chỉ giới hạn dùng cho việc giảng dạy, học tập hay nghiên cứu.

6. Nếu bản dịch một tác phẩm do người sở hữu quyền dịch hay người hưởng quyền xuất bản với giá bán tương ứng với giá thông thường được áp dụng

trong nước có tham gia cho các tác phẩm tương tự, nếu bản dịch ra cùng một ngôn ngữ và cơ bản có cùng một nội dung như bản dịch được xuất bản

nhờ có giấy phép, thì mọi giấy phép được cấp theo Điều này bị xoá bỏ. Những bản đã được in ra trước khi giấy phép bị xoá bỏ có thể được tiếp tục bán

cho đến khi hết.

7. Đối với các tác phẩm được cấu thành chủ yếu bằng minh hoạ thì giấy phép cho việc dịch và xuất

bản phần văn tự dịch cũng như in ấn văn tự và xuất

bản phần minh họa chỉ có thể được cấp nếu thực hiện các điều kiện quy định tại Điều III.

8. Khi tác giả đình chỉ phát hành tất cả các bản in của tác phẩm, thì không được căn cứ vào Điều này để cấp bất cứ giấy phép nào.

9. (a). Giấy phép dịch một tác phẩm đã được xuất bản dưới hình thức in ấn hay một hình thức sao in tương tự nào khác, cũng có thể được cấp cho tổ

chức phát thanh có trụ sở trong một nước nói ở Khoản 1 sau khi cơ quan đó đã đệ đơn lên cơ quan có thẩm quyền trong nước nói trên, nhưng phải phù

hợp với toàn bộ các điều kiện sau đây:

i) bản dịch được dịch ra từ một bản được in và phù hợp với luật pháp quốc gia của nước đó;

ii) bản dịch chỉ để dùng trong những buổi phát thanh dành cho việc giảng dạy hay cho việc phổ biến các thông tin có tính chất khoa học hay kỹ thuật dành

cho các chuyên gia chuyên ngành đặc biệt;

iii) bản dịch đó chỉ được dùng riêng vào mục đích nói ở mục ii và trong các buổi phát thanh hợp pháp dành cho thính giả trên lãnh thổ của các nước đó,

kể cả việc phát thanh từ các bản ghi âm hay ghi hình được thực hiện một cách hợp pháp và chỉ dành riêng cho các buổi phát thanh đó;

iv) tất cả việc sử dụng bản dịch đó đều không mang tính chất kinh doanh nào.

b) Các bản ghi âm hay ghi hình của một bản dịch do một tổ chức phát thanh thực hiện nhờ có giấy phép được cấp theo Khoản này, cũng có thể được

sử dụng bởi bất kỳ một tổ chức phát thanh khác có trụ sở trong nước mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó với những mục đích và theo các

điều kiện đã nêu lên ở mục a và có sự đồng ý của cơ quan này.

c) Nếu phù hợp tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện nêu trong mục a, giấy phép cũng được cấp cho tổ chức phát thanh để dịch tất cả các bài giảng trong

tài liệu giảng dạy nghe nhìn được làm ra và xuất bản để chuyên dùng cho đại học, trung học và tiểu học.

d) Trong trường hợp không vi phạm các mục từ a đến c, các quy định của các Khoản nêu trên được áp dụng cho việc phân phát và sử dụng các loại

giấy phép được cấp theo Khoản này.

Điều III Hạn chế về quyền sao in: 1. Giấy phép có thể được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền; 2,3,4,5. Điều kiện cho phép cấp loại giấy phép như vậy; 6. Thời hạn của giấy phép; 7. Tác

phẩm được Điều này áp dụng

1. Mọi quốc gia đã đưa ra tuyên bố áp dụng quyền được quy định trong Điều này có quyền xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép

không độc quyền và không thể chuyển nhượng theo các điều kiện dưới đây và căn cứ vào Điều IV của Bản phụ lục để thay thế cho quyền sao in riêng

biệt quy định tại Điều 9.

2. (a). Đối với tác phẩm mà Điều này được áp dụng theo quy định ở Khoản 7, sau khi đã:

i) hết kỳ hạn đã quy định ở Khoản 3, được tính từ lần xuất bản đầu tiên của một ấn bản nhất định của tác phẩm, hoặc

ii) hết một thời hạn dài hơn do luật pháp quốc gia nói ở Khoản 1 quy định và cũng được tính như trên,

Nếu các bản sao của ấn bản đó không được chủ sở hữu quyền sao in hoặc người hưởng quyền ở nước đó bán với giá tương đương với giá các tác

phẩm tương tự thông thường trong nước đã nói, để thoả mãn nhu cầu của đồng đảo công chúng và giảng dạy trong đại học, trung học, tiểu học thì bất

cứ công dân nào của nước đó đều có thể xin được một giấy phép sao in và xuất bản ấn bản đó để bán cùng một giá hoặc rẻ hơn nhằm mục đích giảng

dạy đại học, trung học, tiểu học.

b) Cũng có thể được cấp giấy phép theo những điều kiện được quy định trong Điều này để sao in và xuất bản một ấn bản đã được phát hành như đã nói

ở điểm a nếu như sau khi hết hạn đã chỉ định mà các bản sao có phép đó không còn được bán ra trong suốt thời gian 6 tháng ở nước đó, để đáp ứng

đòi hỏi của công chúng hoặc hệ thống giảng dạy với một giá tương đương với giá bán các tác phẩm trong nước đó.

3. Thời hạn nói ở mục i điểm a Khoản 2 là 5 năm. Nhưng:

i) đối với tác phẩm thuộc số học, khoa học tự nhiên gồm cả toán học và kỹ thuật là 3 năm.

ii) đối với tác phẩm tiểu thuyết, thơ ca, kịch, nhạc và các sách mỹ thuật là 7 năm.

4. (a). Sau thời hạn 3 năm theo quy định của Điều này cho giấy phép mới được cấp, cần phải chờ hết thời gian 6 tháng mới có thể được cấp

i) kể từ ngày người xin phép làm xong các thủ tục quy định ở Khoản 1 Điều IV; hay

ii) trong trường hợp không biết danh tính hay địa chỉ của người sở hữu quyền sao in, thì tính từ ngày người xin phép đã gửi đơn lên cơ quan có thẩm

quyền cấp giấy phép theo quy định ở Khoản 2 Điều IV.

(b) Trong những trường hợp giấy phép được cấp sau một Khoảng thời hạn khác và Khoản 2 Điều IV được áp dụng thì giấy phép không được cấp trước

khi kết thúc một thời hạn 3 tháng kể từ ngày gửi đơn xin cấp giấy phép.

(c) Nếu trong thời gian 6 hoặc 3 tháng quy định tại điểm a và b, tác phẩm được đem bán như đã nói ở điểm a Khoản 2 thì không một giấy phép nào được

cấp theo Điều này.

(d) Khi tác giả đã đình chỉ phát hành toàn bộ bản sao in tác phẩm đó được cấp giấy phép cho tiến hành sao in và xuất bản, khi đó không một giấy phép

nào được cấp nữa.

5. Trong các trường hợp sau đây không được căn cứ vào Điều này để cấp giấy phép cho việc sao in và xuất bản một tác phẩm dịch:

i) khi bản dịch đó không phải do người sở hữu quyền dịch hoặc người hưởng quyền dịch xuất bản.

ii) khi bản dịch không phải là một ngôn ngữ thông dụng ở nước sở tại mà giấy phép được cấp.

6. Nếu các bản sao in của một ấn bản của một tác phẩm được người sở hữu quyền hoặc người hưởng quyền tái bản bán ở trong nước như nói ở

Khoản 1 tương đương với giá thị trường của những tác phẩm tương tự nhằm đáp ứng nhu cầu đông đảo công chúng hoặc cho giảng dạy đại học, trung

học, tiểu học, thì các giấy phép đã được cấp theo Điều này sẽ hết hiệu lực nếu ấn bản đó có cùng một ngôn ngữ và có cùng một nội dung như ấn bản đã

được xuất bản theo giấy phép được cấp trước đó. Những bản sao in ra trước khi giấy phép hết hiệu lực có thể được tiếp tục bán cho đến khi hết.

7. (a). Ngoài trường hợp quy định tại điểm b, những tác phẩm được áp dụng Điều Khoản này chỉ giới hạn đối với các tác phẩm được xuất bản dưới

dạng in ấn hoặc sao in tương tự.

(b) Điều này cũng được áp dụng cho việc sao in tác phẩm được bảo hộ với hình thức nghe nhìn hoặc tư liệu nghe nhìn được bảo hộ và cũng được áp

dụng cho văn bản dịch của mỗi tác phẩm văn tự dùng trong tư liệu nghe nhìn của bản dịch ngôn ngữ thông dụng trong nước cấp giấy phép, mục đích duy

nhất trong việc làm ra và xuất bản được đề cập đến trong Điều này là sử dụng cho giảng dạy đại học, trung học, tiểu học.

Điều IV Điều Khoản chung cho giấy phép theo Điều II, III: 1,2. Thủ tục; 3. Thể hiện tên tác

giả và tên tác phẩm; 4. Xuất khẩu các bản sao; 5. Thông báo; 6. Bồi thường

1. Việc cấp giấy phép được nói ở Điều II và Điều III của Bản phụ lục chỉ có thể được cấp nếu người xin cấp theo đúng các thể thức hiện hành ở nước

liên quan, chứng minh được rằng mình đã tuân trường hợp xin người sở hữu quyền cho phép thực hiện và xuất bản bản dịch hoặc sao in và xuất bản một

ấn bản mà bị từ chối, hay là sau khi đã làm hết cách mà không tìm được người sở hữu quyền đó. Đồng thời với việc xin phép người sở hữu quyền đó,

người xin cấp cũng phải thông báo cho bất kỳ trung tâm thông tin quốc gia hay quốc tế nào được nêu ở Khoản 2.

2. Nếu người xin cấp giấy phép không có cách nào tìm được người sở hữu quyền, thì người xin cấp phải gửi bảo đảm bằng máy bay bản sao các đơn

từ đã nộp cho nhà chức trách có quyền cấp giấy phép tới nhà xuất bản có tên in trên tác phẩm, cũng như tới trung tâm thông tin quốc gia hoặc quốc tế

có thể đã được Chính phủ của nước nơi mà nhà xuất bản có trụ sở hoạt động chính cho phép trong một thông báo đã gửi lên Tổng Giám đốc về việc đó.

3. Tên tác giả phải được nêu rõ trên tất cả các bản sao in của bản dịch hay của bản sao in được xuất bản nhờ giấy phép được cấp theo Điều II hoặc

Điều III. Tên tác phẩm phải được ghi trên mỗi bản sao. Nếu là một bản dịch thì tên tác phẩm gốc cũng phải được ghi trên các bản sao in này trong bất kỳ

trường hợp nào.

4. (a). Giấy phép được cấp theo Điều II hay Điều III không được mở rộng việc xuất khẩu các bản sao in, giấy phép chỉ dùng cho việc xuất bản và có giá trị

tuyệt đối trong trường hợp hoặc bản dịch hoặc sao in trong lãnh thổ của quốc gia nơi giấy phép đã được cấp.

(b) Để áp dụng điểm a thì hình thức xuất khẩu sẽ bao gồm việc gửi các bản sao từ bất cứ vùng lãnh thổ nào tới nước đã có tuyên bố theo Khoản 5 Điều I

trong lãnh thổ nước đó.

(c) Khi một cơ quan Chính phủ hay một công sở nào khác của nước đã cấp giấy phép theo Điều II để dịch sang một thứ tiếng khác không phải là tiếng

Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Tây Ban Nha bằng việc gửi các phiên bản của bản dịch đã được xuất bản nhờ giấy phép đó sang một nước khác, thì việc gửi

các bản sao đó sẽ không được xem là xuất khẩu trong việc áp dụng ở điểm a nhưng phải phù hợp các điều kiện sau:

i) những người nhận là các cá nhân, công dân của một nước mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy

phép nói trên hoặc các tổ chức do các công dân

cấu thành;

ii) các bản sao in chỉ dùng cho giảng dạy, học tập hoặc nghiên cứu;

iii) việc gửi các bản sao in và việc phân phát sau đó cho các người nhận không mang tính chất kinh doanh; và

iv) nước nhận các bản sao in đó đã ký hiệp định với nước mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép, việc phê chuẩn quyền nhận hoặc quyền phân

phôi bản sao in hoặc cả hai quyền đó, thì Chính phủ của nước tiếp nhận phải thông báo hiệp định đó cho Tổng giám đốc.

5. Trên tất cả các bản sao in được xuất bản nhờ giấy phép được cấp theo Điều II hay Điều III đều phải ghi chú bằng thứ ngôn ngữ có liên quan, nêu rõ là

các bản đó chỉ được phát hành ở trong nước hay lãnh thổ được áp dụng giấy phép nói trên.

6 (a). Trong phạm vi quốc gia cần có quy định thoả đáng, nhằm đảm bảo:

i) giấy phép đó mang lại cho người sở hữu quyền dịch hay quyền sao in một Khoản thù lao hợp lý, mức thù lao này phù hợp với tiêu chuẩn nhuận bút

thông thường mà cá nhân của hai nước đã có đàm phán với nhau; và

ii) đảm bảo việc trả và chuyển tiền nhuận bút, nếu quốc gia đó còn tồn tại quy chế quản lý ngoại hối, thì cơ quan có thẩm quyền cần đảm bảo việc chuyển

tiền bằng một thông báo cho tổ chức quốc tế để đảm bảo việc chuyển tiền bằng một ngoại tệ chuyển đổi trên thị trường quốc tế hoặc bằng thứ tiền có

giá trị.

(b). Cần thông qua pháp luật quốc gia để có biện pháp thoả đáng, và trong mọi trường hợp vẫn có một tác phẩm dịch chính xác hoặc việc in ấn hoàn

chỉnh.

Điều V Khả năng lựa chọn cho hạn chế quyền dịch thuật: 1. Chế độ quản lý được cấp theo Nghị định thư 1886 và 1896; 2. Không có khả năng thay đổi chế độ quản lý theo Điều II; 3. Hạn chế thời gian để lựa chọn khả năng

1. (a). Những nước được quyền tuyên bố áp dụng quyền quy định ở Điều II, khi phê chuẩn hoặc gia nhập Nghị định thư này đã không tuyên bố, thay vì

tuyên bố đó, có thể:

i) nếu nước đó áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 30 thì ra tuyên bố theo quy định có liên quan đến quyền dịch của Điều này;

ii) nếu nước đó không áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 30 thì dù nước đó là Bên tham gia Liên hiệp, thì nước đó cần căn cứ vào câu thứ nhất của điểm b

Khoản 2 Điều 30 để ra tuyên bố.

(b). Trong trường hợp một nước không còn được xem là nước đang phát triển theo Khoản 1 Điều I của Bản phụ lục thì việc tuyên bố theo Khoản này vẫn

tiếp tục có hiệu lực cho đến khi hết thời hạn áp dụng đã quy định ở Khoản 3 Điều I của Bản phụ lục.

(c). Bất kỳ nước nào đã ra tuyên bố theo Khoản này sau đó sẽ không còn được áp dụng quyền quy định tại Điều II, cho dù sau khi thu hồi tuyên bố nói

trên cũng không được áp dụng.

2. Ngoài trường hợp nói ở Khoản 3, bất kỳ nước nào đã áp dụng quyền được quy định tại Điều II thì sau đó không được tuyên bố theo Khoản 1 nữa.

3. Bất cứ nước nào không còn được coi là một nước đang phát triển theo Khoản 1 Điều I của Bản phụ lục có thể chậm lắm là hai năm trước khi chấm

dứt thời hạn áp dụng Khoản 3 Điều I của Bản phụ lục có thể căn cứ vào câu đầu của điểm b Khoản 2 Điều 30 để ra tuyên bố cho dù nước đó là Bên

tham gia Liên hiệp. Tuyên bố đó có hiệu lực hết thời hạn áp dụng Khoản 3 Điều I của Bản phụ lục.

Điều VI Khả năng áp dụng, hay chấp nhận việc áp dụng, những điều khoản cụ thể của Phụ lục trước khi chịu sự ràng buộc: 1. Tuyên bố; 2. Lưu giữ và ngày tuyên bố có hiệu lực.

1. Mọi quốc gia thành viên Liên hiệp, kể từ ngày có Nghị định thư này và vào bất kỳ thời gian nào trước khi bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 21 và Bản

phụ lục này đều có thể ra tuyên bố dưới đây:

i) quốc gia, một khi bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 21 và Bản phụ lục, tức là có quyền áp dụng quyền này trong Khoản 1 Điều I, có thể ra tuyên bố

rằng mình sẽ áp dụng những quy định ở Điều II hay Điều III hoặc là cả hai Điều đó cho những tác phẩm có quốc gia gốc là một nước theo quy định ở

mục ii sau đây, chấp nhận việc áp dụng các Điều này cho những tác phẩm đã nói, hoặc là một nước bị ràng buộc bởi các Điều từ 1 đến 21 và Bản phụ

lục; tuyên bố nói trên có thể đưa ra theo Điều V thay vì theo Điều II;

ii) tuyên bố rằng mình chấp nhận để các nước đã tuyên bố theo mục i trên đây hoặc đã thông báo theo Điều I của Bản phụ lục và áp dụng Bản phụ lục

này cho những tác phẩm xuất xứ từ quốc gia gốc.

2. Những tuyên bố theo Khoản 1 phải bằng một văn bản và phải gửi cho Tổng giám đốc. Tuyên bố

đó có hiệu lực kể từ ngày được nộp.

Hiệp ước được Hội nghị Ngoại giao của WIPO về một số vấn đề về quyền tác giả và quyền kề cận thông qua tại Geneva, ngày 20/12/1996.

[1] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 1(4): như quy định ở Điều 9 của Công ước Berne và các ngoại lệ được cho phép theo đó, quyền sao chép hoàn toàn áp dụng trong môi trường kỹ thuật số, đặc biệt đối với việc sử dụng các tác phẩm ở dạng kỹ thuật số. Điểm này được hiểu là việc lưu giữ một tác phẩm được bảo hộ dưới dạng kỹ thuật số trong môi trường điện tử tạo thành việc sao chép theo nghĩa của Điều 9 Công ước Berne.

[2] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 3: khi áp dụng Điều 3 của Hiệp ước, được hiểu rằng thuật ngữ "nước thuộc Liên hiệp" ở các điều từ Điều 2 đến Điều 6 của Công ước Berne phải được xem như là nói đến các Bên ký kết Hiệp ước này trong việc áp dụng các Điều Khoản của Công ước Berne nói trên đối với việc bảo hộ được quy định trong Hiệp ước này. Hiểu tương tự đối với thuật ngữ "nước ngoài Liên hiệp" ở các Điều Khoản trên của Công ước Berne, trong các trường hợp tương tự cũng được xem như là nói tới nước không phải là Bên ký kết Hiệp ước này và thuật ngữ "Công ước này" ở các Điều 2(8), 2bis(2), 3, 4 và 5 của Công ước Berne phải được xem là nói đến Công ước Berne và Hiệp ước này. Cuối cùng, được hiểu rằng liên quan đến các Điều 3 tới 6 của Công ước Berne về "công dân của một trong các nước thuộc Liên hiệp", khi các Điều này được áp dụng đối với Hiệp ước này, có nghĩa là công dân của một trong các nước thành viên của của tổ chức liên chính phủ là thành viên của Hiệp ước này.

[3] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 4: phạm vi bảo hộ đối với chương trình máy tính theo Điều 4 của Hiệp ước này cùng với Điều 2 là phù hợp với Điều 2 của Công ước Berne và các quy định tương ứng của Hiệp định TRIPS.

[4] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 5: phạm vi bảo hộ đối với sưu tập dữ liệu theo Điều 5 của Hiệp ước này, cùng với Điều 2 là phù hợp với Điều 2 của Công ước Berne và tương đương với các Điều Khoản tương ứng của Hiệp định TRIPS.

[5] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 6 và 7: như được sử dụng ở các Điều này, thuật ngữ "bản sao" và "bản gốc và bản sao", tùy thuộc vào quyền phân phối và quyền cho thuê theo các Điều này, chỉ đề cập tới các bản đã được định hình và có thể đưa vào lưu thông như các vật hữu hình.

[6] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 6 và 7: như được sử dụng ở các Điều này, thuật ngữ "bản sao" và "bản gốc và bản sao", tùy thuộc vào quyền phân phối và quyền cho thuê theo các Điều này, là chỉ đề cập tới các bản đã được định hình và có thể đưa vào lưu thông như các vật hữu hình.

[7] Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 7: điểm này được hiểu rằng nghĩa vụ tuân theo Điều 7(1) không buộc nước thành viên quy định độc quyền cho thuê thương mại cho tác giả mà không được hưởng các quyền này theo luật pháp nước đó đối với bản ghi âm. Điểm này được hiểu rằng nghĩa vụ này cũng phù hợp với điều 14(4) của Hiệp định TRIPS.

[\[8\]](#) Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 8: điểm này được hiểu là chỉ riêng việc cung cấp phương tiện vật chất để tạo điều kiện hoặc để thực hiện truyền đạt không tới mức truyền đạt theo nghĩa của Hiệp ước này hoặc Công ước Berne. Được hiểu là không có quy định nào ở Điều 8 ngăn cản nước thành viên áp dụng Điều 11 bis(2).

[\[9\]](#) Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 10: điểm này được hiểu rằng các quy định của Điều 10 cho phép nước thành viên đưa ra và mở rộng một cách hợp lý đến các hạn chế và ngoại lệ trong môi trường kỹ thuật số theo luật pháp nước mình. Tương tự như vậy, các quy định này phải được hiểu là cho phép nước thành viên đặt ra các hạn chế và ngoại lệ mới phù hợp trong môi trường mạng kỹ thuật số.

Điểm này cũng được hiểu là Điều 10(2) không giảm đi cũng không mở rộng phạm vi khả năng áp dụng các hạn chế và ngoại lệ được phép theo Công ước Berne.

[\[10\]](#) Tuyên bố được thông qua liên quan đến Điều 12: Điểm này được hiểu rằng nói tới "sự vi phạm bất kể quyền nào được quy định trong Hiệp ước này hoặc Công ước Berne " bao gồm cả quyền độc quyền và quyền hưởng thù lao.

Điểm này cũng được hiểu là nước thành viên sẽ không dựa vào Điều này để lập ra hoặc thi hành các hệ thống quản lý quyền có thể gây ra việc áp đặt các thủ tục hình thức không được phép theo Công ước Berne hoặc Hiệp ước này, ngăn cản việc tự do lưu thông hàng hoá hoặc cản trở việc hưởng các quyền theo Hiệp Ước.